

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-8-2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Siu Thun Phrào.

Ông Nguyễn Văn Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 184/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2026/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Kpă T**, sinh ngày 18-6-2003, số định danh cá nhân 064303012213; địa chỉ: **Thôn G, xã B, tỉnh Gia Lai**.

Bị đơn: Anh **Niê Y H**, sinh ngày 01-01-1999, số định danh cá nhân 064099011085; địa chỉ: **Thôn Y, xã C, tỉnh Gia Lai**.

Chị **Kpă T** có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh **Niê Y H** vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kpă T:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **Kpă T** và anh **N** Y Hao tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2022 ngày 01-3-2022 của **UBND xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai** (nay là **UBND xã B, tỉnh Gia Lai**). Thời gian đầu cuộc sống của anh

chị hạnh phúc, tuy nhiên sau đó thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách, quan điểm sống khác biệt, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, vợ chồng từ đó không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay cả hai đã ly thân, chị **Kpă T** đi làm xa, còn anh **Niê Y H** đã quay về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Đến nay chị **Kpă T** nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị **Kpă T** được ly hôn với anh **Niê Y H**.

Về nuôi con và cấp dưỡng: Anh chị có 01 con chung là **Kpă H1**, sinh ngày 30-12-2021. Chị **Kpă T** yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh **N Y Hao** phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị **Kpă T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến, yêu cầu của bị đơn anh **Niê Y H**:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh **Niê Y H** và chị **Kpă T** tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2022 ngày 01-3-2022 của **UBND xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai** (nay là **UBND xã B, tỉnh Gia Lai**). Trong quá trình chung sống, vợ chồng có lúc xảy ra những mâu thuẫn, cãi vã nhỏ trong cuộc sống hàng ngày chứ anh **N Y H** không làm gì có lỗi với vợ. Nay vợ đi làm xa, thay đổi tính cách, suy nghĩ, muốn ly hôn với anh là ý của vợ chứ anh không có lỗi gì với vợ con. Hiện nay anh chị không còn sống với nhau, chị **Kpă T** đi làm xa, còn anh quay về sống với gia đình ở **thôn Y, xã C, tỉnh Gia Lai**. Nay chị **Kpă T** xin ly hôn, anh không đồng ý vì người có lỗi là chị **Kpă T** chứ không phải anh.

Về nuôi con và cấp dưỡng: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh **N Y H** đồng ý giao con **Kpă Huyết**, sinh ngày 30-12-2021 cho chị **Kpă T** trực tiếp nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **Kpă T** không yêu cầu.

Về chia tài sản, nợ chung: **Anh Niê Y** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã được Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Kpă T**.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Kpă T** được ly hôn anh **Niê Y H**.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung **Kpă Huyết**, sinh ngày 30-12-2021 cho chị **Kpă T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

sau khi ly hôn. Anh **Niê Y H** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **Kpă T** không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Về án phí sơ thẩm: Chị **Kpă T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị **Kpă T** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh **Niê Y H**, cư trú tại **thôn Y, xã C, tỉnh Gia Lai** nên quan hệ tranh chấp của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa, chị **Kpă T** có đơn xin xét xử vắng mặt; anh **Niê Y H** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự tại phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu của các đương sự: Chị **Kpă T** và anh **N Y Hao** xác lập quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2022 ngày 01-3-2022 của **UBND xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai** (nay là **UBND xã B, tỉnh Gia Lai**). Tại thời điểm đăng ký kết hôn, chị **Kpă T** và anh **N Y H** đều đủ tuổi, tự nguyện quyết định việc kết hôn, không bị mất năng lực hành vi dân sự và không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn; việc kết hôn được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có giá trị pháp lý, làm phát sinh quan hệ giữa vợ và chồng.

[4] Chị **Kpă T** trình bày nhiều mâu thuẫn là nguyên nhân dẫn đến việc chị nộp đơn yêu cầu được ly hôn anh **Niê Y H**. Anh **Niê Y H** thừa nhận trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, cãi vã nhỏ trong cuộc sống hàng ngày nhưng anh **N Y H** không làm gì có lỗi với vợ. Nay vợ đi làm xa, thay đổi tính cách, suy nghĩ, muốn ly hôn với anh là ý của vợ chứ anh không có lỗi gì với vợ con. Hiện nay vợ chồng không còn sống với nhau, chị **Kpă T** đi làm xa, còn anh quay về sống với gia đình ở **thôn Y, xã C, tỉnh Gia Lai**. Anh không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị **Kpă T**. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã

tiến hành xác minh mâu thuẫn của anh chị tại địa phương nhưng Ban Nhân dân thôn không nắm được mâu thuẫn hôn nhân của anh chị.

[5] Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”*. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được động viên, hòa giải nhưng chị **Kpă T** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, quyết tâm chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh **Niê Y H**. Về phía anh **Niê Y H**, mặc dù không đồng ý ly hôn với chị **Kpă T** nhưng anh **N Y H** chỉ một lần đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, các thủ tục tố tụng khác anh **N Y H** đều có tình vắng mặt, không có thiện chí và hành động cụ thể để hòa giải mâu thuẫn hôn nhân, hàn gắn tình cảm với chị **Kpă T**. Thực tế hiện nay anh chị đang ly thân, không còn sống chung, không còn tình cảm thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Quan hệ hôn nhân của chị **Kpă T** và anh **N Y H** như vậy là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình (sau đây gọi là Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP), Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Kpă T**, xử cho chị **Kpă T** được ly hôn với anh **Niê Y H**.

[6] Về nuôi con: Chị **Kpă T** và anh **Niê Y H** có một con chung là **Kpă H1**, sinh ngày 30-12-2021. Chị **Kpă T** yêu cầu được trực tiếp nuôi con và anh **N Y H** cũng đồng ý giao con cho chị **Kpă T** trực tiếp nuôi trong trường hợp Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Kpă T**, giao con chung **Kpă Huyết** cho chị **Kpă T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **Kpă T** không yêu cầu anh **N Y H** cấp dưỡng nuôi con nên anh **N Y H** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

[8] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí sơ thẩm: Chị **Kpă T** là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25-6-2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 4, Điều 6 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Kpă T**.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Kpă T** được ly hôn anh **Niê Y H**.

Quan hệ hôn nhân của chị **Kpă T** và anh **N Y Hao** được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2022 ngày 01-3-2022 của **UBND xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai** (nay là **UBND xã B, tỉnh Gia Lai**) chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về nuôi con: Giao con chung **Kpă Huyết**, sinh ngày 30-12-2021 cho chị **Kpă T** trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ ngày 27-8-2026 cho đến khi thành niên, hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh **N Y Hao** không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

1.4. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị **Kpă T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số **0005925** ngày **05-6-2026** của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị **Kpă T** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Khu vực 11 - Gia Lai;
- PTHADS Khu vực 11 - Gia Lai;
- UBND xã Bờ Ngoong, tỉnh Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký, đóng dấu)

Võ Tiên Sỹ